

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 383/2023/DS-PT

Ngày 21/8/2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 380/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ B, khóm M, phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ liên hệ: Số A, đường V, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Anh Trần Đình H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số B, đường N, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/6/2023).

2. *Bị đơn:* Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ C, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Lê Thị Ngọc T.

(Anh H, bà T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị N là anh Trần Đình H trình bày:***

- Ngày 22/01/2021, bà Lê Thị Ngọc T làm biên nhận vay bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng. Thời hạn vay là 12 tháng.

- Ngày 29/12/2022, bà Lê Thị Ngọc T làm biên nhận vay bà N số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng. Thời hạn vay là 06 tháng.

- Ngày 19/01/2022, bà Lê Thị Ngọc T làm biên nhận vay bà N số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng. Thời hạn vay là 06 tháng.

Tổng cộng số tiền vay của 03 biên nhận là 450.000.000 đồng.

Bà T có thể chấp cho bà N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số CI 468561 diện tích 226,50m² (Đất trồng cây lâu năm), thửa 5369, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Lê Thị Ngọc T ngày 08/05/2017. Thỏa thuận khi nào bà T trả hết các khoản tiền vay thì bà N trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà T.

Trong quá trình vay tiền thì bà T đã trả cho bà N 74.000.000 đồng tiền vay gốc.

Nay bà N yêu cầu bà T trả số tiền vay gốc còn lại là 376.000.000 đồng và tiền lãi 13.939.000 đồng (tính từ ngày 10/01/2023 đến ngày 24/5/2023, mức lãi 0,83% tháng). Tổng cộng tiền vay gốc và tiền lãi là 389.939.000 đồng, tiếp tục yêu cầu tính tiền lãi đến khi thi hành án xong, mức lãi suất 0,83%/tháng.

Anh H đại diện của nguyên đơn trình bày, theo biên nhận ngày 19/01/2022 và ngày 29/12/2022 ghi thửa đất là 3569 là do ghi nhầm, thực tế là thửa đất 5369 mới đúng. Đồng thời 03 biên nhận có dấu sửa chữa chỗ ghi ngày, tháng, năm là do bà T ghi nhầm nên ngay sau đó đã sửa lại.

**** Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày:***

Khi Tòa án hoà giải bà Lê Thị Ngọc T thừa nhận có vay tiền của Nguyễn Thị N 04 lần, số tiền tổng cộng là 420.000.000 đồng, trong đó 300 triệu đồng là tiền vay gốc, tiền lãi 120.000.000 đồng. Bà T đã trả cho bà N số tiền 74.000.000 đồng.

Đối với các biên nhận ngày 29/12/2022, biên nhận ngày 19/01/2022, biên nhận ngày 22/01/2021 do bà N cung cấp thì bà T chỉ ký tên, ghi họ tên một biên nhận ngày 29/12/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng, tiền lãi 50.000.000 đồng. Tổng cộng 150.000.000 đồng, có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các biên nhận còn lại bà T không có ký tên, bà T không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với các biên nhận do bà N cung cấp cho Tòa án.

Bà T còn thiếu lại 346.000.000 đồng. Bà T đồng ý trả bà N 346.000.000 đồng. Bà T đồng ý trả tiền lãi theo lãi suất bà N đã cho bà T vay (lãi suất 5 phân). Tính tiền lãi từ ngày 09/01/2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T thay đổi lời khai là: Bà T thừa nhận có tự viết và ký tên các biên nhận ngày 22/01/2021, ngày 19/01/2022 và ngày 29/12/2022 do bà N đã cung cấp cho Tòa án. Bà T khẳng định các nội dung về ngày, tháng, năm vay tiền; số tiền vay; các dấu sửa chữa trong biên nhận vay và tài sản thế chấp do phía nguyên đơn trình bày là đúng. Bà T vay của bà N số tiền tổng cộng là 450.000.000 đồng, bà T đã trả cho bà N số tiền vay gốc 74.000.000 đồng. Nay bà T đồng ý trả tiền vay gốc còn lại cho bà N là 376.000.000 đồng. Bà T không đồng ý trả tiền lãi 13.939.000 đồng (tính từ ngày 10/01/2023 đến ngày 24/5/2023), do bà T không còn khả năng trả.

Bà T có thể chấp cho bà N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số CI 468561 diện tích 226,50m² (Đất trồng cây lâu năm), thửa 5369, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Lê Thị Ngọc T ngày 08/05/2017.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị N và bà Lê Thị Ngọc T: Bà Lê Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc còn là 376.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N:

Buộc bà Lê Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền lãi là 13.939.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nên trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.870.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011909 ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Ngày 08/6/2023 bà Lê Thị Ngọc T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà T phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh H phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm vì chỉ còn nợ của bà N 115.000.000đ, không đồng ý trả lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Nguyên đơn bà N đưa ra chứng cứ là 03 biên nhận ngày 22/01/2021, ngày 19/01/2022, ngày 29/12/2022 và nhận thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền cho vay của 03 biên nhận là 450.000.000đ. Bà N thừa nhận có nhận của bà T số tiền 74.000.000đ.

Bà T thừa nhận 03 biên nhận do bà T viết và ký tên, thừa nhận có sửa lại chỗ ngày, tháng, năm. Nhưng bà T nại ra rằng tất cả các khoản vay đều là hình thức vay tiền trả góp và bà T đã trả tiền góp được 335.000.000đ, chỉ còn nợ gốc 115.000.000đ. Bà T còn nại ra rằng bà T có nộp cho Tòa án 04 Tờ giấy trả tiền góp cho bà N, tuy nhiên anh H cho rằng các Tờ giấy trả tiền không liên quan gì với bà N.

Xét thấy việc bà T nại ra đã trả cho bà N được 335.000.000đ nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã trả số tiền 335.000.000đ. Đối với 04 Tờ giấy trả tiền do bà T cung cấp không thể hiện nội dung bà T trả tiền cho bà N, phần đầu các Tờ giấy đều ghi Chị L, không có chữ ký tên của bà N. Cho nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T.

Bà N đồng ý trừ khoản tiền đã nhận 74.000.000đ nên bà N yêu cầu bà T trả số tiền vay gốc còn nợ là 376.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T trả cho bà N số tiền vay gốc còn nợ 376.000.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất:

Bà N yêu cầu bà T trả số tiền lãi 13.939.000 đồng (tính từ ngày 10/01/2023 đến ngày 24/5/2023) và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi đến khi trả xong tiền nợ.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ buộc bà T trả cho bà N tiền lãi 13.939.000 đồng là phù hợp.

[3]. Đối với tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số CI 468561 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Lê Thị Ngọc T ngày 08/05/2017, với diện tích 226,50m² (Đất trồng cây lâu năm), thửa 5369, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, bà T đã thế chấp cho bà N khi vay tiền. Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện nguyên đơn anh H thống nhất trả lại cho bà T và bị đơn bà T cũng thống nhất nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số CI 468561, nên chấp nhận.

Sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà N phải trả cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số CI 468561 diện tích 226,50m² (Đất trồng cây lâu năm), thửa 5369, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Lê Thị Ngọc T ngày 08/05/2017.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà T.
- Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N:

Buộc bà Lê Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay nợ gốc 376.000.000 đồng.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền lãi là 13.939.000đ.

Tổng cộng buộc bà Lê Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc và lãi là 389.939.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Lê Thị Ngọc T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số CI 468561 diện tích 226,50m² (Đất trồng cây lâu năm), thửa 5369, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Lê Thị Ngọc T ngày 08/05/2017.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị Ngọc T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.870.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011909 ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Lê Thị Ngọc T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông